

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 20/5/2020

Về "Tranh chấp hợp đồng vay
và mua bán tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Cường;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 và 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị G, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 24 đường Đ, khóm M, Phường N, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Sơn Hoàng O, sinh năm 1967; địa chỉ: Nhà không số, khóm S, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Sơn Minh T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 447 khóm C, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2019 (BL 01), Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2019 (BL 17) và ngày 22/10/2019 (BL 20) cũng như quá trình giải quyết vụ án (BL 81) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lâm Thị G trình bày:

Vào ngày 30/3/2018 (Âm lịch), cá nhân chị G với cá nhân ông Sơn Hoàng O có giao kết với nhau Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng này không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Nội dung chính của Hợp đồng: Chị G cho ông O vay 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) để ông O mua hành tím; lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, trả lãi hàng tháng; thời hạn vay là 12 tháng. Thực hiện Hợp đồng, chị G đã giao và ông O đã nhận đủ tiền vay, ông O có viết Giấy cam kết với nội dung thừa nhận nợ và hứa hẹn sẽ thanh toán 75.000.000 đồng vốn vào ngày 05/4/2019. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ tiền vay, ông O chỉ trả lãi được 03 lần với tổng số tiền 35.000.000 đồng; từ tháng 4/2019 đến nay, ông O không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên còn nợ chị G toàn bộ tiền vốn 260.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận.

Ngoài ra, từ đầu năm 2018, chị G với ông O còn giao kết Hợp đồng mua bán tài sản, chị G là bên bán và ông O là bên mua; Hợp đồng này cũng chỉ thể hiện bằng lời nói, không lập thành văn bản. Từ ngày 02/4/2018 đến ngày 21/11/2018, ông O đã nhiều lần mua tỏi của chị G, hiện còn nợ chị G tiền mua tỏi là 19.000.000 đồng.

Nay, chị G yêu cầu ông O thanh toán cả 02 khoản nợ trên với số tiền là 334.989.020 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng); trong đó, tiền vốn và lãi vay từ tháng 4/2019 (Âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 315.989.020 đồng, tiền mua tỏi chưa thanh toán là 19.000.000 đồng. Chị G tạo điều kiện cho ông O thanh toán làm 12 lần trong hạn 12 tháng, chỉ yêu cầu ông O trả lãi đối với tiền vốn vay theo lãi suất 20%/năm đến khi trả nợ xong, không yêu cầu trả lãi khoản nợ mua tỏi nhưng ông O không thiện chí nên chị G yêu cầu thanh toán ngay các khoản nợ trên.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu (BL 02-06); bản chính Giấy cam kết (Không ghi ngày) có chữ ký xác nhận của ông O (BL 07).

- Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2019 (BL 26), ngày 22/10/2019 (BL 29), Đơn yêu cầu độc lập ngày 20/7/2019 (BL 47), quá trình giải quyết vụ án (BL 81) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Sơn Hoàng O trình bày:

Giữa ông O với ông Sơn Minh T có mối quan hệ mua bán với nhau trong thời gian dài, ông O được ông T giới thiệu để ông O vay tiền và mua tỏi của chị Lâm Thị G. Ông O thừa nhận đã vay của chị G số tiền 260.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5%/tháng và trả lãi hàng tháng. Sau khi nhận đủ tiền vay, ông O chưa trả được vốn, chỉ trả lãi 03 lần được 35.000.000 đồng; hiện còn nợ chị G toàn bộ tiền vốn vay, lãi suất và tiền mua tỏi là 19.000.000 đồng đúng như chị G trình bày.

Tuy nhiên, ông O cho rằng, tiền vay của chị G được chia cho ông Sơn Minh T sử dụng 130.000.000 đồng. Vì vậy, ông O đồng ý trả nợ chị G tiền vốn là 130.000.000 đồng và lãi suất tương ứng theo yêu cầu của chị G; dù vậy, ông O cũng chỉ trả nợ kéo dài, nhiều lần, mỗi tháng trả từ 3 đến 4 triệu đồng do không có khả năng thanh toán theo điều kiện mà chị G hỗ trợ; ông O cũng khẳng định việc vay tiền và mua tôm của chị G do cá nhân ông O thực hiện, không có ai trong gia đình ông O cùng sử dụng tiền vay và mua bán với ông O. Mặt khác, ông O yêu cầu ông T trả 130.000.000 đồng vốn cùng lãi suất tương ứng mà chị G yêu cầu. Ngoài việc trình bày ý kiến, yêu cầu như trên thì ông O không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Theo Tờ tường trình ngày 05/8/2019 (BL 39), Biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2019 (BL 43) cũng như quá trình giải quyết vụ án (BL 80) và tại phiên tòa sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sơn Minh T trình bày:

Ông T thừa nhận đã cùng ông O gặp chị G để mỗi người vay 40.000.000 đồng của chị G, khoản vay này của ông T không liên quan gì đến ông O và ông T đã giải quyết riêng với chị G. Ông T khẳng định không nhận lại từ ông O 130.000.000 đồng vay của chị G, ông T chỉ nợ ông O 82.000.000 đồng nhưng thuộc các giao dịch khác, không liên quan đến chị G; đồng thời, ông O còn nợ ông T tiền mua thức ăn nuôi tôm là 87.000.000 đồng. Vì vậy, ông T không đồng ý trả nợ ông O, yêu cầu ông O khấu trừ tiền mua thức ăn nuôi tôm với khoản nợ của ông T.

Ngoài việc trình bày như trên, ông T không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan để chứng minh và không thực hiện quyền, nghĩa vụ khởi kiện dù đã được Tòa án giải thích, thông báo bằng văn bản.

- Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ là các Biên bản lấy lời khai của đương sự (BL 17, 20, 26, 29, 43). Chị G, ông O và ông T đều không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, buộc ông O trả chị G tiền vốn vay là 260.000.000 đồng cùng lãi suất 20%/năm và tiền mua tôm còn thiếu là 19.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bị đơn đối với ông T; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Chị Lâm Thị G khởi kiện, yêu cầu ông Sơn Hoàng O trả nợ tiền vay và mua tài sản; ông O yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Minh T - buộc ông T thanh toán tiền vay của ông O. Đây là các giao dịch thuộc trường hợp hợp đồng vay và hợp đồng mua bán tài sản quy định tại Điều 463, Điều 430 của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Sơn Minh T có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, về việc đối trừ nghĩa vụ trả nợ với yêu cầu độc lập của ông O. Tòa án đã phân tích, giải thích để ông T thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng ông T không tiến hành thủ tục yêu cầu phản tố; do đó, Tòa án không có cơ sở thụ lý yêu cầu đối trừ nghĩa vụ của ông T, ông T có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[2] Về nội dung giải quyết.

- Căn cứ Giấy cam kết cũng như việc thừa nhận của bị đơn O, đối chiếu với quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Lâm Thị G về việc giao kết Hợp đồng vay tiền và hợp đồng mua bán tài sản với ông Sơn Hoàng O là sự thật. Mặc dù 02 Hợp đồng nêu trên không được lập thành văn bản nhưng thực tế đã diễn ra đúng theo lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn; theo đó, chị G là bên cho vay tiền và bên bán tài sản cho ông O, còn ông O là bên vay tiền và mua tài sản của chị G; từ khoảng đầu năm 2018, ông O đã vay của chị G 260.000.000 đồng; tính đến tháng 3/2019 (Âm lịch), ông O chỉ trả lãi 03 lần được 35.000.000 đồng nên còn nợ chị G 260.000.000 đồng vốn và lãi suất phát sinh từ tháng 4/2019 (Âm lịch) đến nay; ngoài ra, ông O còn nhiều lần mua tài sản của chị G, hiện chưa thanh toán số tiền mua tài sản là 19.000.000 đồng. Vì vậy, giữa chị Lâm Thị G với ông Sơn Hoàng O đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay và hợp đồng mua bán tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 119, Điều 463, Điều 430 của Bộ luật dân sự. Do bên vay tiền và mua tài sản không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Xét tính hợp pháp của 02 Hợp đồng đang tranh chấp này, nhận thấy:

Các đương sự đều không thuộc trường hợp quy định tại điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên chị G với ông O giao kết các Hợp đồng trên là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 của Bộ luật dân sự; các bên cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên các Hợp đồng đã giao kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự.

Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay và mua bán tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành. Do ông O vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, là người có lỗi nên có nghĩa vụ trả lại tiền vay cùng lãi suất và tiền mua tài sản quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 466, Khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Tại Hợp đồng vay, các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng là trái với quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần phải điều chỉnh giảm lãi suất phù hợp với quy định trên. Tuy nhiên, chị G và ông O cùng yêu cầu không xem xét lại việc đã thanh toán lãi suất từ 30/3/2018 đến tháng 4/2019; Hội đồng xét xử thấy rằng, trong khoảng 12 tháng, ông O đã trả tiền lãi là 35.000.000 đồng, thấp hơn mức 20%/năm, có lợi cho bị đơn nên không xem xét lại phần này theo nguyện vọng của các đương sự. Mặt khác, chị G tự nguyện yêu cầu ông O trả lãi suất 20%/năm đối với tiền vốn vay, kể từ tháng 4/2019 (Âm lịch) đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, không yêu cầu trả lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại điều luật viện dẫn ở trên nên được chấp nhận; cụ thể, tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là $260.000.000 \text{ đồng} \times (20\%/\text{năm} \times 12 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) = 55.989.020 \text{ đồng}$, công tiền vốn 260.000.000 đồng = 315.989.020 đồng (Ba trăm mười lăm triệu chín trăm tám mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng).

Đối với nghĩa vụ trả tiền mua tài sản (Tỏi), tại Khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định: *"Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản"*. Đối chiếu với quy định này, rõ ràng những lý lẽ và nguyện vọng của ông O là không có cơ sở để chấp nhận; cho nên, chị G yêu cầu ông O phải trả số tiền mua tỏi còn thiếu 19.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông O chưa trả khoản nợ mua tỏi và chị G có đơn yêu cầu thi hành án, ông O phải trả lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền mua tỏi chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ lời khai của ông O về việc chia cho ông Sơn Minh T vay lại 130.000.000 đồng, ông T chỉ thừa nhận có nợ tiền vay của ông O là 82.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xác định giữa ông O và ông T cũng đã giao kết với nhau Hợp đồng vay tài sản. Đối với Hợp đồng này, cả ông O và ông T đều không trình bày được các thông tin về thời điểm vay, thời hạn trả nợ, lãi suất vay; do đó, đây là Hợp đồng vay không xác định thời hạn, không có thỏa thuận về lãi suất.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay nêu trên, nhận thấy:

Tương tự như Hợp đồng vay giữa chị G với ông O, ông T và ông O giao kết Hợp đồng vay đều đảm bảo điều kiện chủ thể, tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay giữa ông O với ông T là hợp pháp.

Trong khi ông O không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và ông T chỉ thừa nhận có nợ tiền vay của ông O là 82.000.000 đồng; vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở xác định ông T đã vay của ông O và hiện còn nợ ông O 82.000.000 đồng quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông O có yêu cầu độc lập từ tháng 8/2019, có nghĩa là đã thực hiện đúng nghĩa vụ báo trước nên ông T có nghĩa vụ trả lại tiền vay quy định tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Do các bên không thỏa thuận về lãi suất, Hợp đồng vay không xác định thời hạn, nay ông O yêu cầu ông T trả lãi suất 20%/năm. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự, không chấp nhận yêu cầu này của ông O, chỉ buộc ông T trả lãi quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và ông O có đơn yêu cầu thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, ông Sơn Hoàng O phải chịu án phí là $334.989.020 \text{ đồng} \times 5\% = 16.749.451 \text{ đồng}$.

Yêu cầu độc lập của bị đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, ông Sơn Hoàng O phải chịu án phí là $48.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.400.000 \text{ đồng}$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sơn Minh T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của bị đơn có yêu cầu độc lập được chấp nhận quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, ông Sơn Minh T phải chịu án phí là $82.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.100.000 \text{ đồng}$.

[4] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 430, Khoản 2 Điều 440, Điều 357, Điều 468, Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị G đối với ông Sơn Hoàng O, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản*".

Buộc ông Sơn Hoàng O có nghĩa vụ trả chị G số tiền vốn vay là 260.000.000 đồng, lãi suất phát sinh đến ngày 20/5/2020 là 55.989.020 đồng và tiền mua tởi còn thiếu là 19.000.000 đồng; tổng cộng vốn vay, lãi suất đến ngày 20/5/2020 và tiền mua tởi là 334.989.020 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày 21/5/2020, ông Sơn Hoàng O vẫn phải trả lãi suất 20%/năm đối với tiền vốn vay tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm thanh toán đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông O chưa thanh toán khoản nợ tiền mua tởi và chị G có đơn yêu cầu thi hành án, ông O phải trả lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Sơn Hoàng O đối với ông Sơn Minh T, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc ông Sơn Minh T có nghĩa vụ trả ông O số tiền vốn vay là 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và ông O có đơn yêu cầu thi hành án, ông Sơn Minh T phải trả lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Sơn Hoàng O, về việc yêu cầu ông Sơn Minh T thanh toán số tiền vay là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Sơn Hoàng O phải chịu án phí đối với yêu cầu của chị G được chấp nhận là 16.749.451 đồng, án phí đối với phần yêu cầu độc lập của mình không được chấp nhận là 2.400.000 đồng; tổng cộng, ông O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.149.451 đồng. Ông O được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 3.250.000 đồng, theo Biên lai thu số 0008037 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu; như vậy, ông O còn phải nộp bổ sung 15.899.451 đồng (Mười lăm triệu tám trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi một đồng).

Ông Sơn Minh T phải chịu áp phí đối với yêu cầu độc lập của ông O được chấp nhận là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm ngàn đồng).

Chị Lâm Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.075.800 đồng, theo Biên lai thu số 0007956 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHUÔNG